

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Biên bản hoà giải thành ngày 26-8-2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2024/TLST-KDTM ngày 10-7-2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo C xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng B; địa chỉ: 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc Thanh – Tổng Giám đốc Ngân hàng B. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh V – Chuyên viên Quan hệ khách hàng cá nhân Ngân hàng B – Chi nhánh Kon Tum; địa chỉ: XXX Trần Phú, phường Q, thành phố S, tỉnh Kon Tum;

- Bị đơn: Anh Trương C, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Bình Tây, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Trương C trả cho Ngân hàng B tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 26-8-2024 là: 3.028.883.066 đồng (Ba tỷ, không trăm hai mươi tám triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, không trăm sáu mươi sáu đồng); trong đó: Nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, lãi trong hạn là 310.041.554 đồng, lãi quá hạn là 218.841.512 đồng. Thời hạn trả nợ: Trả một lần toàn bộ số tiền nêu trên vào ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2.2. Kể từ ngày 27-8-2024 cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc, anh Trương C phải tiếp tục trả cho Ngân hàng B khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 6554/23MN/HĐTD ngày 13-3-2023 và Khế ước nhận nợ số: 6554/23MN/HĐTD/KUNN01 ngày 14-3-2023, Khế ước nhận nợ số: 6554/23MN/HĐTD/KUNN02 ngày 13-4-2023, được ký kết giữa Ngân hàng B với anh Trương C. Mức lãi suất mà anh Trương C phải tiếp tục thanh toán theo Quyết định này sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng B.

2.3. Kể từ ngày đến hạn trả nợ, nếu anh Trương C không trả đủ tổng số tiền còn nợ, thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy kê biên, bán đấu giá để thu hồi nợ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại các thửa đất gồm:

- Thửa đất số 771, tờ bản đồ số 54, địa chỉ thửa đất: Thôn 9, xã Đăk Cấm, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CK 459721 ngày 08-8-2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương Mại Vinh Quang I (Đến ngày 27-01-2022, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương Mại Vinh Quang I chuyển nhượng lại cho anh Trương C);

- Thửa đất số 772, tờ bản đồ số 54, địa chỉ thửa đất: Thôn 9, xã Đăk Cấm, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CK 459722 ngày 08-8-2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương Mại Vinh Quang I (Đến ngày 27-01-2022, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương Mại Vinh Quang I chuyển nhượng lại cho anh Trương C).

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả tổng số nợ thì anh Trương C phải trả cho Ngân hàng B số tiền nợ còn lại và Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Trương C để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

2.4. Anh Trương C chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 2.100.000đồng (Hai triệu, một trăm nghìn đồng). Số tiền này Ngân hàng B đã nộp tạm ứng, nên anh Trương C phải hoàn trả cho Ngân hàng.

Kể từ ngày Ngân hàng B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trương C không trả đủ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất chậm trả theo sự thỏa thuận của các bên đương sự là 10%/năm.

2.5. Anh Trương C chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Anh Trương C phải chịu 46.288.830 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm ba mươi đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng B số tiền 39.197.000 đồng (*ba mươi chín triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số: 0001219 ngày 10-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Trường Thọ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Biên bản hoà giải thành ngày 10-9-2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2020/TLST-DS ngày 10-8-2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo C xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành – Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Văn Hồng - Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Quy, sinh năm 1958;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Tạ Đình Sáu, sinh năm 1952.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Plei Kần, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Trần Thị Quy và ông Tạ Đình Sáu liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền còn nợ tính đến hết ngày

10-9-2020 là 273.968.423 đồng (*hai trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc: 270.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn: 3.968.423 đồng. Thời gian trả: Trả một lần toàn bộ số tiền nêu trên vào ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2.2. Kể từ ngày 11-9-2020 đến hết ngày 18-9-2020, bà Trần Thị Quy và ông Tạ Đình Sáu tiếp tục trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khoản tiền lãi vay (lãi trong hạn); từ ngày 19-9-2020 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc, bà Trần Thị Quy và ông Tạ Đình Sáu tiếp tục trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán. Mức lãi suất trong hạn và mức lãi suất nợ quá hạn mà bà Trần Thị Quy và ông Tạ Đình Sáu tiếp tục trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam được thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5103-LAV-201903564 ngày 18-9-2019. Mức lãi suất mà bà Trần Thị Quy và ông Tạ Đình Sáu phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

2.3. Kể từ ngày đến hạn trả nợ, nếu bà Trần Thị Quy và ông Tạ Đình Sáu không trả đủ tổng số tiền còn nợ, thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy tiến hành các biện pháp thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2.4. Sau khi bà Trần Thị Quy và ông Tạ Đình Sáu trả đủ tổng số tiền còn nợ, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trả lại cho bà Trần Thị Quy và ông Tạ Đình Sáu bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BT 212966 ngày 07-7-2016, do Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy cấp cho vợ chồng ông Tạ Đình Sáu - bà Trần Thị Quy.

2.5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Trần Thị Quy và ông Tạ Đình Sáu chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 5 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/UBTVQH14;

- Bà Trần Thị Quy và ông Tạ Đình Sáu được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 6.802.000 đồng (*sáu triệu, tám trăm lẻ hai nghìn đồng*) đã nộp tạm

ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002481 ngày 10-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Trường Thọ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Biên bản hoà giải thành ngày 21-5-2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2020/TLST-KDTM ngày 14-01-2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo C xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thành Phú Sa Thầy; địa chỉ: 279 Trần Phú, tổ dân phố 5, thị trấn Plei Kần, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô C Giới. Chức vụ: Giám đốc Công ty.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thuận Phát; địa chỉ: Khối 8, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum. Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Bửu. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Cao Quốc Việt; địa chỉ: 31 Hàm Nghi, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thuận Phát và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thành Phú Sa Thầy thống nhất hủy bỏ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: 01/HĐHT ngày 15-8-2018, được ký kết giữa Công ty Trách

nhiệm hữu hạn Một thành viên Thành Phú Sa Thầy và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thuận Phát.

Về giải quyết hậu quả khi hủy bỏ hợp đồng:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thành Phú Sa Thầy thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thuận Phát tổng số tiền 180.000.000đồng (*một trăm tám mươi triệu đồng*), gồm: 130.000.000đồng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thuận Phát đã chuyển cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thành Phú Sa Thầy và 50.000.000đồng còn lại là các khoản chi phí mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thuận Phát đã chi trong quá trình thực hiện hợp đồng và tiền bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thành Phú Sa Thầy đã thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thuận Phát số tiền 30.000.000đồng (*ba mươi triệu đồng*). Số tiền 150.000.000đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*) còn lại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thành Phú Sa Thầy sẽ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thuận Phát như sau:

+ Ngày 15-6-2020, thanh toán 100.000.000đồng (*một trăm triệu đồng*);

+ Chậm nhất vào ngày 30-7-2020, thanh toán số tiền 50.000.000đồng (*năm mươi triệu đồng*) còn lại.

2.2 Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thành Phú Sa Thầy tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/UBTVQH14;

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thành Phú Sa Thầy phải chịu 1.500.000đồng (*một triệu, năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí đối với yêu cầu hủy hợp đồng và 3.750.000đồng (*ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí đối với số tiền 150.000.000đồng mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thành Phú Sa Thầy thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thuận Phát.

Tổng số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thành Phú Sa Thầy phải chịu là 5.250.000đồng (*năm triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền 3.000.000đồng (*ba triệu đồng*) đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002301 ngày 14-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa

Thầy. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thành Phú Sa Thầy còn phải nộp tiếp 2.250.000đồng (hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm còn lại.

2.3. Về tiền lãi chậm thi hành án: Kể từ ngày đến hạn trả nợ, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thành Phú Sa Thầy không trả đủ số tiền phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thuận Phát nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận của các bên đương sự là 15%/năm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Trường Thọ